

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày: 23/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Khải.

2. Bà: Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phạm Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2017/HSST ngày 27/10/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HS ngày 09/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1969, tại Thái Bình.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Đội 7A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Nguyễn Văn B (Đã chết) và bà Vũ Thị H (Đã chết).

Có vợ: Nguyễn Thị H1 (Đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000.

2. Họ và tên: Trần Đình D; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1976, tại Thái Bình.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 19, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Trần Đình N, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1956.

Có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010.

3. Họ và tên: Đồng Văn T1; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1983, tại Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 12, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Đồng Văn K, sinh năm 1955 và Trần Thị B, sinh năm: 1956.

Có vợ: Lê Thị H3, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn N; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1986, tại Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 19, xã NH, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Nguyễn Văn H4, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1966.

Có vợ: Lò Thị T3, sinh năm 1991 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014.

5. Họ và tên: Lê Văn M; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1987, tại Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội 12, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Lê Thanh C, sinh năm 1959 và bà Đoàn Thị D, sinh năm: 1964.

Có vợ: Bùi Thị D1, sinh năm 1992 và 01 con, sinh năm 2013.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Lê Văn M, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N bị tạm giữ từ ngày 16/8/2017 đến ngày 22/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh giao về gia đình quản lý. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Lê Văn M, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N có mối quan hệ quen biết vì làm cùng tổ thợ xây theo thời vụ với nhau. Ngày 16/8/2017, do trời mưa công việc xây dựng không thực hiện được phải nghỉ ở nhà nên Nguyễn Văn T đã mời Nguyễn Văn N, Trần Đình D, Đồng Văn T1 và một số anh em trong tổ thợ xây đến nhà ở đội 7A, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ăn cơm. Trong khi ăn cơm, Nguyễn Văn N nói với mọi người: "Mưa gió thế này tí ăn cơm xong làm tí", ý N nói là ăn cơm xong sẽ đánh bài ăn tiền. Khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong thì Nguyễn Văn T đi mua một bộ bài gồm tứ lơ khơ 52 quân mang về cùng với Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N ngồi xuống chiếu đã trải sẵn khi ăn cơm để đánh bài. Cả nhóm thống nhất sẽ đánh bài được thua bằng tiền, hình thức đánh là "Liêng", 04 người ngồi thành vòng tròn trên chiếu, T ngồi quay mặt về phía cửa chính ngôi nhà, bên tay phải T là D, tiếp theo D là T1, N. Cách thức cụ thể là sử dụng 52 quân bài tứ lơ khơ từ A đến K, chia đều cho mỗi người ba quân bài rồi tiến hành độ điểm với nhau; điểm của các quân bài được tính như sau: Các quân bài từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính với số điểm tương ứng 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; quân A được tính 1 điểm; các quân 10, J, Q, K đều được tính 0 điểm. Trường hợp người nào được "Ảnh", tức là có ba lá bài đều có hình ông đầu người (Quân J, Q, K); khi mọi người đều có ảnh thì so sánh đến chất cao nhất của bài theo thứ tự Rô, Cơ, Chuồn, Bích; nếu các quân bài chất bằng nhau thì so sánh đến quân bài, quân bài so sánh từ thấp lên cao là từ 2 đến A. Nếu người nào có 3 quân bài đôi hình ảnh (Ví dụ JKK, QQQ, JJQ...) thì to điểm hơn 9. Trường hợp người nào được "Liêng", tức là ba lá bài liên tiếp nhau (Ví dụ 3, 4, 5), Liêng cao nhất là Q, K, A và thấp nhất là A, 2, 3; khi mọi người đều có Liêng, thì ai có liêng cao hơn sẽ thắng; khi có hai liêng bằng nhau thì tìm ra cây có chất cao nhất để so sánh, Liêng to điểm hơn 9 điểm và đôi hình ảnh; Trường hợp người nào được "Sáp", tức là ba lá bài giống nhau (ví dụ 333, JJJ, AAA), nếu hai người cùng có "Sáp" thì người nào có "Sáp" cao hơn sẽ thắng theo thứ tự từ 2 đến A. "Sáp" được tính to nhất so với điểm, đôi hình ảnh và Liêng. Khi bài không có Sáp, Liêng, Ảnh thì bắt đầu tính điểm. Cứ như vậy mọi người cùng chơi đặt tiền xuống chiếu gọi là góp "Gà" chung 10.000 đồng/ván. Nếu ai có bài to hơn thì thắng và được lấy số tiền góp "Gà" chung đó. Tùy trường hợp người nào thách "Tố", tức là đồng ý thêm tiền để tiếp tục tham gia lượt chơi và đặt cược thêm một số tiền không xác định từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Người nào theo phải bỏ thêm số tiền bằng số tiền người thách tố đầu tiên bỏ ra, ai có bài cao hơn thì được lấy số tiền đã góp gà chung

và tiền thách tổ đó. Trường hợp người nào không theo được tổ thách thì úp bài không tính độ điểm cũng không phải thêm tiền tổ thách mà chỉ mất 10.000 đồng số tiền góp chung ban đầu của ván chơi đó. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi T, D, T1, N chơi được mấy ván thì Lê Văn M đến nhà T chơi, thấy vậy cũng ngồi xuống bên phải N cùng đánh bài ăn tiền. Khi đánh bài ăn tiền, Nguyễn Văn T bỏ ra số tiền 1.180.000 đồng, Lê Văn M bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn N bỏ ra số tiền 1.200.000 đồng, Đồng Văn T1 bỏ ra số tiền 1.700.000 đồng, Trần Đình D bỏ ra số tiền 620.000 đồng (Trong đó có 500.000 đồng là tiền D vay của T khi bắt đầu đánh bạc). Hồi 15 giờ 40 phút cùng ngày, khi T, D, T1, N và M đang đánh bài ăn tiền thì tổ công tác Công an huyện Đ vào nhà phát hiện bắt quả tang, thu giữ: một bộ bài tú lơ khơ 52 quân màu xanh và số tiền 5.700.000 đồng dùng vào việc đánh bài ăn tiền.

Tại bản Cáo trạng số 197/QĐ-VKS-HS ngày 27/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã truy tố Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M về tội "Đánh bạc", quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong lời luận tội đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M về tội "Đánh bạc"; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo Trần Đình D từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo Đồng Văn T1 từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân màu xanh.

Án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N; buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M nhất trí nội dung Cáo trạng ; lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo; không có bị cáo nào có ý kiến bào chữa cho hành vi phạm tội của mình; các bị cáo không tranh luận; lời nói sau cùng bị cáo T, bị cáo D, bị cáo T1, bị cáo N và bị cáo M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M một lần nữa khai và thừa nhận: Do có quen biết nhau từ trước nên ngày 16/8/2017, tại đội 7A, xã P, huyện Đ, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Lê Văn M, Đồng Văn T1 sau khi uống rượu, ăn cơm trưa xong đã có hành vi đánh bài Tú lơ khơ ăn tiền dưới hình thức đánh bài "Liêng", tổng số tiền dùng vào việc đánh bài là 5.700.000 đồng; lời khai của các bị cáo phù hợp với các bản cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đúng với nội dung cáo trạng đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T, bị cáo D, bị cáo T1, bị cáo N và bị cáo M là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[2]. Xét tính chất mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, số tiền dùng đánh bạc không lớn nhưng hành vi đó đã xâm phạm đến an toàn trật tự và nếp sống văn minh trong xã hội, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn cần được xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[3]. Xét về vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Văn N là người khởi xướng việc thực hiện hành vi đánh bạc, Nguyễn Văn T là người đồng ý cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại nơi ở của mình nên giữ vai trò chính trong vụ án; Trần Đình D, Lê Văn M, Đồng Văn T1 giữ vai trò thứ yếu.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng các quy định có lợi cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5]. Về hình phạt bổ sung; vật chứng; án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M ngoài thu nhập chủ yếu từ làm ruộng, không còn thu nhập ổn định khác; bị cáo Nguyễn Văn T không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự, vì vậy HĐXX không áp dụng.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân màu xanh các bị cáo dùng để phạm tội, là vật chứng của vụ án. 01 điện thoại di động đen trắng, nhãn hiệu A160 Masstet, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO7, loại cảm ứng, màu đen, có ốp màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, loại bàn phím, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NEO7, loại cảm ứng, màu đen không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Án phí: Bị cáo Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N là các đối tượng cá nhân thuộc hộ cận nghèo có giấy chứng nhận hộ cận nghèo số 18/UBND-GN, số 261/UBND-GN; Bị cáo Trần Đình D là đối tượng khuyết tật có giấy chứng nhận khuyết tật số 0230/ĐB-PL/56, dạng khuyết tật vận động, bị mất một bàn tay trái do bị bỏng từ nhỏ, hiện vẫn tự sinh hoạt, lao động kiếm tiền không lệ thuộc vào ai, căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với Đồng Văn T1 và Nguyễn Văn N, Trần Đình D. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200,000 đồng tiền án phí HSST.

Từ những phân tích và nhận định trên, thấy rằng các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M đều chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng, luôn

chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Để tạo điều kiện cho các bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục, trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng hình tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, tương xứng hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là phù hợp và thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Đồng Văn T1, Nguyễn Văn N, Lê Văn M phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/11/2017); giao bị cáo cho UBND xã NH, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/11/2017);

Xử phạt bị cáo Trần Đình D 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/11/2017);

Giao bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Đình D cho UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn T1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/11/2017);

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23/11/2017);

Giao bị cáo Đồng Văn T1 và Lê Văn M cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân màu xanh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2017; chấp nhận biên bản trao trả tài sản cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn T, Trần Đình D, Lê Văn M, Đồng Văn T1 ngày 18/8/2017.

4. Án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đồng Văn T1 và Nguyễn Văn N, Trần Đình D; các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- P HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- THA hình Sự; lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

Đã ký

Nguyễn Văn Định

